

ỦY BAN QUỐC GIA VỀ AN NINH
HÀNG KHÔNG VÀ TẠO
THUẬN LỢI HÀNG KHÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/QĐ-UBQGANHK&TTLHK

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Ủy ban quốc gia về An ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không

CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG
VÀ TẠO THUẬN LỢI HÀNG KHÔNG

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 215/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hoạt động bay;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an, Cơ quan Thường trực của Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

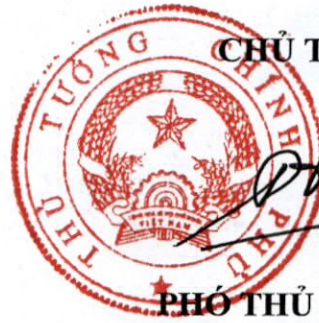
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/QĐ-UBANHK ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

Điều 3. Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các thành viên Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không, Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các địa phương nơi có cảng hàng không, Trưởng Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt

Nam chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban QPAN và Đối ngoại của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo PCKB quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN, UBQGANHK&TTLHK (3). 45



**PHÓ THỦ TƯỚNG
PHẠM GIA TỨC**



**ỦY BAN QUỐC GIA VỀ AN NINH
HÀNG KHÔNG VÀ TẠO
THUẬN LỢI HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Ủy ban quốc gia về An ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không

(Kèm theo Quyết định số 152 /QĐ-UBQGANHK&TTLHK

ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không (sau đây gọi tắt là Ủy ban); nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên, Cơ quan Thường trực và Văn phòng Thường trực; chương trình công tác, chế độ làm việc, nguyên tắc xử lý công việc, chế độ họp, chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác, diễn tập, sơ kết, tổng kết; công tác đánh giá rủi ro an ninh hàng không; điều kiện bảo đảm hoạt động và tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban.
2. Bộ Công an - Cơ quan Thường trực,
3. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Văn phòng Thường trực của Ủy ban.
4. Danh sách thành viên Ủy ban được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.
5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương), Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo PCKB các địa phương), Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Ủy ban hoạt động theo nguyên tắc phối hợp liên ngành, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban.

2. Các thành viên Ủy ban làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình và nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban phân công.

3. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định có liên quan.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, kịp thời, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

5. Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không; giữa yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội với phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

6. Các vấn đề liên ngành được xem xét, giải quyết trên cơ sở trao đổi, thống nhất giữa các cơ quan có liên quan; trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì Cơ quan Thường trực tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban

1. Chỉ đạo và điều hành hoạt động của Ủy ban; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Ủy ban.

2. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; triệu tập, chủ trì các phiên họp và kết luận các phiên họp của Ủy ban.

3. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch, các Ủy viên; chỉ đạo Cơ quan Thường trực và Văn phòng Thường trực tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban.

4. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban theo quy định của pháp luật; báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Thường trực

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban; thay mặt Chủ tịch Ủy ban giải quyết công việc khi được phân công.

2. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo, điều phối việc phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

3. Chỉ đạo Cơ quan Thường trực xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; chỉ đạo tổ chức thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban; quyết định các biện pháp điều phối liên ngành thuộc thẩm quyền.

4. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch và giải pháp về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không; chỉ đạo triển khai Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không.

5. Giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia; quyết định chủ trương xử lý các tình huống khẩn nguy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

6. Chủ trì các cuộc họp, hội nghị, đoàn kiểm tra và các hoạt động khác của Ủy ban khi được Chủ tịch Ủy ban phân công.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch Ủy ban - Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong Quân đội bảo đảm công tác an ninh hàng không; quản lý, bảo vệ vùng trời; tổ chức khai thác sân bay dùng chung quân sự và dân dụng theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện quy chế phối hợp liên ngành về bảo đảm an ninh hàng không.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị Quân đội xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh, an toàn hàng không; tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó, xử lý các tình huống uy hiếp an ninh hàng không, bảo vệ các mục tiêu trọng yếu và các tình huống khẩn nguy thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

c) Chỉ huy lực lượng Quân đội tham gia xử lý các tình huống khẩn nguy về an ninh hàng không theo phân công của Chủ tịch Ủy ban; phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan trong xử lý các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị Quân đội nghiên cứu, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng; tham mưu, đề xuất các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật.

đ) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị Quân đội phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay chuyên khoang do các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện.

e) Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không thuộc phạm vi quản lý.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban phân công.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban - Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách công tác an ninh

a) Giúp Chủ tịch chỉ đạo hoạt động thường xuyên của Cơ quan Thường trực và Văn phòng Thường trực; tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ của Ủy ban theo phân công.

b) Trực tiếp chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ Công an và Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo Cơ quan Thường trực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban và các Phó Chủ tịch Ủy ban; tổng hợp tình hình, tham mưu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban.

d) Chỉ đạo thực hiện công tác đánh giá rủi ro, trao đổi thông tin, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh hàng không theo phân công của Chủ tịch Ủy ban.

đ) Chỉ đạo Cơ quan Thường trực theo dõi, đôn đốc việc triển khai Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không; tổng hợp tình hình, tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo theo thẩm quyền.

e) Chủ trì tổ chức triển khai việc xử lý các tình huống khẩn nguy về an ninh hàng không theo phân công của Chủ tịch Ủy ban; chỉ đạo Cơ quan Thường trực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu triển khai các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

g) Tham gia hoặc chủ trì các cuộc họp, hội nghị, đoàn công tác và các hoạt động khác của Ủy ban khi được Chủ tịch Ủy ban phân công.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban phân công.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban - Thứ trưởng Bộ Xây dựng phụ trách lĩnh vực hàng không dân dụng

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

b) Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về hàng không dân dụng; tổ chức thực hiện các quy định, chương trình, kế hoạch về an toàn hàng không, khai thác cảng hàng không, hoạt động bay và vận tải hàng không theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Xây dựng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp hoạt động tại cảng hàng không nhằm tạo thuận lợi hàng không theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động khai thác cảng hàng không; chỉ đạo tổ chức phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không nhằm bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh và tạo thuận lợi hàng không.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng trong tổ chức khai thác hoạt động hàng không dân dụng tại các sân bay dùng chung quân sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên

1. Nhiệm vụ chung của các Ủy viên Ủy ban

a) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch công tác, kết luận của Ủy ban thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan, đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp, hội nghị và các hoạt động của Ủy ban; nghiên cứu, tham gia ý kiến, đề xuất các chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Chủ động phối hợp với các thành viên Ủy ban, Cơ quan Thường trực, Văn phòng Thường trực và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban; kịp thời trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu và báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban hoặc Cơ quan Thường trực.

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

đ) Ký các văn bản thuộc nhiệm vụ được phân công và sử dụng con dấu của bộ, cơ quan, đơn vị nơi công tác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ủy ban

a) Ủy viên Ủy ban là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban giao các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức liên quan; kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc thực hiện, khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban; phối hợp tổ chức các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của Ủy ban; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

b) Ủy viên Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao: Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban tổ chức công tác đối ngoại phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không; phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và các quốc gia, vùng lãnh thổ về phòng ngừa hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng và thực hiện các tiêu chuẩn, khuyến cáo về tạo thuận lợi hàng không; hỗ trợ công tác đối ngoại trong xử lý khủng hoảng, sự cố an ninh hàng không có yếu tố nước ngoài; phối hợp tham gia đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không theo quy định.

c) Ủy viên Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Tài chính: Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý xây dựng và triển khai các giải pháp phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua đường hàng không; chỉ đạo cơ quan hải quan triển khai các giải pháp cải cách thủ tục hải quan, quản lý rủi ro, hiện đại hóa quy trình nghiệp vụ, kết nối và chia sẻ dữ liệu nhằm tạo thuận lợi đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và bưu gửi theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Công an xây dựng dự toán kinh phí hoạt động của Ủy ban từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

d) Ủy viên Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Y tế: Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo công tác kiểm dịch y tế biên giới tại cửa khẩu hàng không; giám sát, phát hiện sớm và phối hợp xử lý bệnh truyền nhiễm, sự kiện y tế công cộng và sự cố sinh học có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động hàng không; chỉ đạo tổ chức cấp cứu, tiếp nhận, điều trị nạn nhân trong các tình huống khẩn nguy hàng không; phối hợp đơn giản hóa thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin và chia sẻ dữ liệu nhưng phải bảo đảm yêu cầu chuyên môn, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật thông tin sức khỏe theo quy định.

đ) Ủy viên Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo công tác kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ tại cảng hàng không; phối hợp với các bộ, ngành triển khai các giải pháp cải cách, đơn giản hóa thủ tục kiểm dịch, quản lý rủi ro, ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm tạo thuận lợi đối với hành khách, hành lý, hàng hóa theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phối hợp thực hiện các phương án ứng phó sự cố sinh học, dịch bệnh, bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

e) Ủy viên Ủy ban là Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển đổi số và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo, công nghệ số và các giải pháp sinh trắc học; chỉ đạo việc kết nối, chia sẻ

dữ liệu và ứng dụng các công nghệ chiến lược, công nghệ cao nhằm hiện đại hóa quy trình kiểm soát và thực hiện thủ tục hàng không; chỉ đạo việc nghiên cứu, thẩm định và đề xuất các giải pháp kỹ thuật; phối hợp xây dựng, chủ trì thẩm định để ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với trang thiết bị công nghệ chuyên dụng tại cảng hàng không, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ dựa trên nền tảng hạ tầng chất lượng quốc gia.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực

1. Là Cơ quan Thường trực của Ủy ban, có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy ban tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, phương án về bảo đảm an ninh hàng không, tạo thuận lợi hàng không; chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực theo quy định; tham mưu ứng phó các tình huống khẩn nguy về an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu, giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch ủy ban chỉ đạo, điều phối hoạt động của Ủy ban; tổ chức triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ của Ủy ban.

3. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các thành viên Ủy ban và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban; tham mưu, điều phối giải quyết các vấn đề liên ngành thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban và các Phó Chủ tịch Ủy ban.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban và các Phó Chủ tịch Ủy ban; kịp thời tổng hợp tình hình, tham mưu đề xuất các biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh.

5. Chủ trì tham mưu hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban; tham mưu tổ chức các cuộc diễn tập, kiểm tra liên ngành theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Thường trực

1. Là bộ phận giúp việc của Cơ quan Thường trực; thực hiện công tác tổng hợp, chuẩn bị nội dung và bảo đảm phục vụ hoạt động của Ủy ban.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, dự thảo kết luận và các điều kiện cần thiết phục vụ các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, đoàn công tác, hội thảo và các hoạt động khác của Ủy ban; thông báo, theo dõi việc thực hiện kết luận của Chủ tịch hoặc người chủ trì cuộc họp.

3. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ủy ban; chuẩn bị báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất và các tài liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban.

4. Giúp Cơ quan Thường trực theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không; tổng hợp kết quả diễn tập, sơ kết, tổng kết và việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Ủy ban; tham mưu Cơ quan Thường trực báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực xem xét, chỉ đạo.

5. Tiếp nhận, quản lý, tổng hợp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động của Ủy ban; giúp Cơ quan Thường trực tổng hợp thông tin phục vụ công tác đánh giá rủi ro, trao đổi thông tin và bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

6. Bảo đảm công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, quản lý hồ sơ, kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động của Ủy ban theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cơ quan Thường trực giao hoặc theo phân công của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, NGUYÊN TẮC XỬ LÝ CÔNG VIỆC, CHẾ ĐỘ HỌP, THÔNG TIN, BÁO CÁO, MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC, DIỄN TẬP, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

Điều 10. Chương trình công tác

1. Hằng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được giao và đề xuất của các thành viên Ủy ban, Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng chương trình công tác của Ủy ban, trình Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định.

2. Căn cứ chương trình công tác đã được phê duyệt, các thành viên Ủy ban và Cơ quan Thường trực có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Cơ quan Thường trực để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban quyết định điều chỉnh, bổ sung chương trình công tác để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Điều 11. Chế độ làm việc

1. Ủy ban làm việc theo chế độ tập thể, đề cao trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban và trách nhiệm cá nhân của các Ủy viên trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Các công việc của Ủy ban được giải quyết thông qua các phiên họp của Ủy ban hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, họp trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban.

3. Cơ quan Thường trực có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng Thường trực chuẩn bị nội dung, tài liệu và các điều kiện phục vụ hoạt động của Ủy ban; chỉ đạo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban.

4. Thành viên Ủy ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các hoạt động của Ủy ban; trường hợp không tham dự được thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban và cử người có thẩm quyền tham dự theo quy định.

Điều 12. Nguyên tắc xử lý công việc

1. Các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban được xem xét, giải quyết trên cơ sở phối hợp liên ngành, đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan.

2. Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban do Chủ tịch xem xét, quyết định.

3. Trường hợp phát sinh vấn đề liên ngành có ý kiến khác nhau, Cơ quan Thường trực có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trao đổi, thống nhất; trường hợp không thống nhất thì tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền.

4. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm chủ động phối hợp, trao đổi thông tin, cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ việc xử lý công việc của Ủy ban.

Điều 13. Chế độ họp

1. Ủy ban họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. Nội dung họp tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban; xem xét các vấn đề liên ngành, các nhiệm vụ trọng tâm và quyết định phương hướng, giải pháp trong thời gian tiếp theo.

2. Chủ tịch Ủy ban quyết định triệu tập họp bất thường để xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không hoặc các vấn đề liên ngành khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

3. Chủ tịch Ủy ban quyết định thành phần, nội dung, thời gian, địa điểm và hình thức tổ chức cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Thường trực chủ trì cuộc họp khi được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền.

4. Chủ tịch Ủy ban quyết định mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có cảng hàng không quốc tế tham dự các phiên họp định kỳ của Ủy ban; đối với các phiên họp chuyên đề hoặc đột xuất, căn cứ nội dung, yêu cầu của cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban quyết định mời đại diện các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia và các đơn vị có liên quan tham dự để tham gia ý kiến.

5. Cơ quan Thường trực chỉ đạo Văn phòng Thường trực chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và các điều kiện cần thiết phục vụ các cuộc họp của Ủy

ban; thông báo kết luận của Chủ tịch hoặc người chủ trì cuộc họp; theo dõi, đơn đốc việc thực hiện các kết luận của cuộc họp.

6. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp; trường hợp không thể tham dự phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban và cử người có thẩm quyền tham dự; chuẩn bị đầy đủ nội dung thuộc lĩnh vực quản lý để báo cáo và tham gia ý kiến tại cuộc họp.

Điều 14. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các thành viên Ủy ban, các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật và Quy chế này; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động của Ủy ban theo yêu cầu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực hoặc Cơ quan Thường trực.

2. Định kỳ 06 tháng và hằng năm hoặc khi có yêu cầu, các bộ, ngành là thành viên Ủy ban có trách nhiệm báo cáo Ủy ban về:

a) Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không thuộc phạm vi quản lý.

b) Kết quả triển khai Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không và các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban giao.

c) Kết quả phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không, tạo thuận lợi hàng không và xử lý các vấn đề liên ngành.

d) Những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tháo gỡ trong quá trình tổ chức thực hiện.

đ) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật và các nội dung khác có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

3. Trường ban Chỉ đạo PCKB các địa phương có cảng hàng không chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, chịu trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc địa phương mình quản lý. Báo cáo công tác bảo đảm an ninh hàng không bao gồm: báo cáo định kỳ (báo cáo 6 tháng, 1 năm), báo cáo đột xuất (báo cáo nhanh).

Nội dung báo cáo định kỳ phải phân tích, đánh giá, tổng kết nguyên nhân khách quan, chủ quan; trung thực, chính xác, phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đạt được. Khi có tình huống đột xuất, các cơ quan, đơn vị phải báo cáo ngay cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo PCKB địa phương nơi xảy ra vụ việc để tổng hợp báo cáo Ủy ban (qua Bộ Công an - Cục Quản lý xuất nhập cảnh). Việc báo cáo được thực hiện bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Thường trực.

4. Thời gian báo cáo: Sơ kết 06 tháng đầu năm trước ngày 20/6; tổng kết một năm trước ngày 20/12.

5. Trường hợp xảy ra vụ việc phức tạp, sự cố, tình huống khẩn nguy hoặc các vấn đề có ảnh hưởng đến an ninh hàng không, tạo thuận lợi hàng không, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban (qua Cơ quan Thường trực) để tổng hợp, tham mưu xử lý theo thẩm quyền.

6. Cơ quan Thường trực có trách nhiệm tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất của Ủy ban trình Chủ tịch Ủy ban và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 15. Mọi quan hệ công tác giữa Ủy ban với bộ, ngành, địa phương; Ban Chỉ đạo PCKB các địa phương có cảng hàng không, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không

1. Ủy ban có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch, phương án về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Ban chỉ đạo PCKB các địa phương (trong phạm vi công tác bảo đảm an ninh hàng không), Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ phối hợp bảo đảm an ninh hàng không, đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Trong trường hợp hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi khủng bố vượt quá thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia; đồng thời chỉ đạo Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia triển khai các biện pháp ứng phó thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và phối hợp với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia trong quá trình xử lý vụ việc.

4. Khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng vượt quá khả năng xử lý của Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì, Trưởng Ban Chỉ huy khẩn nguy có trách nhiệm đồng thời báo cáo Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia và Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc. Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo huy động lực lượng, phương tiện của địa phương tham gia xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố và các quy định của pháp luật có liên quan; Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia chỉ đạo, điều phối việc xử lý tình huống theo quy định.

5. Ban chỉ đạo PCKB các địa phương chịu sự chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia trong thực hiện nhiệm vụ ứng phó khẩn nguy hàng không, đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

6. Cơ quan Thường trực giúp Chủ tịch Ủy ban tham mưu, tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban trong thực hiện chức năng của Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia.

Điều 16. Diễn tập, sơ kết, tổng kết

1. Ủy ban chỉ đạo tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cấp quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với các thành viên Ủy ban, các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu Chủ tịch tổ chức diễn tập, sơ kết, tổng kết; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Ủy ban.

3. Các thành viên Ủy ban, các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thường trực trong quá trình chuẩn bị, tổ chức diễn tập, sơ kết, tổng kết và thực hiện các kết luận của Ủy ban.

Chương IV

CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RỦI RO AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 17. Quy định chung

1. Ủy ban giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý rủi ro an ninh hàng không trên cơ sở pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phù hợp với khuyến cáo, hướng dẫn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế. Biện pháp bảo đảm an ninh hàng không phải dựa trên đánh giá rủi ro an ninh hàng không.

2. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị mình thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về quản lý rủi ro an ninh hàng không; bảo đảm phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp quản lý rủi ro an ninh hàng không.

Điều 18. Thu thập thông tin phục vụ đánh giá rủi ro an ninh hàng không

1. Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chủ động thu thập, phân tích, trao đổi và cung cấp thông tin phục vụ công tác đánh giá rủi ro an ninh hàng không theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời, chính xác và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc thu thập, phân tích, đánh giá, trao đổi và chia sẻ thông tin về hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, phương thức, thủ đoạn, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không và các thông tin có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 215/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về an ninh hàng không.

3. Cơ quan Thường trực có trách nhiệm chủ trì tiếp nhận, tổng hợp, phân tích thông tin do các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp; tham mưu xây dựng Báo cáo đánh giá rủi ro an ninh hàng không quốc gia, báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét, chỉ đạo.

4. Trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không, các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh hoặc đề xuất điều chỉnh các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không thuộc phạm vi quản lý.

5. Hệ thống bảo đảm an ninh hàng không phải được rà soát, cập nhật, hoàn thiện thường xuyên hoặc khi có thay đổi về mức độ rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 19. Xây dựng báo cáo đánh giá rủi ro an ninh hàng không

1. Báo cáo đánh giá rủi ro an ninh hàng không quốc gia được xây dựng trên cơ sở khuyến cáo, quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và bảo đảm quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Cơ quan Thường trực Ủy ban chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, xây dựng Báo cáo đánh giá rủi ro an ninh hàng không quốc gia; định kỳ báo cáo Ủy ban tại các kỳ họp theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này và báo cáo đột xuất khi có các vụ việc uy hiếp nghiêm trọng an ninh hàng không.

3. Báo cáo được xây dựng, quản lý và lưu hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ủy ban và Văn phòng Thường trực Ủy ban do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Công an theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ủy ban thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Bộ Công an sử dụng bộ máy, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện hiện có để bảo đảm hoạt động của Ủy ban và Văn phòng Thường trực theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp, cử cán bộ tham gia và bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban theo phân công.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các thành viên Ủy ban, Cơ quan Thường trực, Văn phòng Thường trực và các bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương phản ánh về Cơ quan Thường trực để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thành viên Ủy ban thay đổi chức vụ, chuyển công tác hoặc được thay thế, người được giao thay thế hoặc kế nhiệm chức vụ của thành viên đó tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ủy ban theo Quy chế này. Cơ quan Thường trực có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật danh sách thành viên tại Phụ lục kèm theo Quy chế và báo cáo Chủ tịch Ủy ban. Việc thay đổi, cập nhật danh sách thành viên không làm thay đổi cơ cấu, thành phần của Ủy ban theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và không phải sửa đổi, bổ sung Quy chế./.



Phụ lục
DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN QUỐC GIA VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG
VÀ TẠO THUẬN LỢI HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 152/QĐ-UBQGANKH&TTLHK ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh trong Ủy ban
1	Phạm Gia Túc	Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ	Chủ tịch Ủy ban
2	Đại tướng Lương Tam Quang	Bộ trưởng Bộ Công an	Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban
3	Thượng tướng Phạm Trường Sơn	Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng	Phó Chủ tịch Ủy ban
4	Thượng tướng Phạm Thế Tùng	Thứ trưởng Bộ Công an	Phó Chủ tịch Ủy ban
5	Lê Anh Tuấn	Thứ trưởng Bộ Xây dựng	Phó Chủ tịch Ủy ban
6	Nguyễn Danh Huy	Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Ủy viên Ủy ban
7	Nguyễn Đức Chi	Thứ trưởng Bộ Tài chính	Ủy viên Ủy ban
8	Lê Thị Thu Hằng	Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Ủy viên Ủy ban
9	Nguyễn Thị Liên Hương	Thứ trưởng Bộ Y tế	Ủy viên Ủy ban
10	Võ Văn Hưng	Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên Ủy ban
11	Lê Xuân Định	Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy viên Ủy ban

Ghi chú: Danh sách thành viên Ủy ban được cập nhật theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy chế.